BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 910 /QĐ-ĐHNT	*Khánh Hòa, ngày 12 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý III/2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-ĐHNT ngày 05/9/2017 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên Viện Công nghệ Sinh học và Môi trường đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 89 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 06 sinh viên, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K55 2013 - 2017	K56 2014 - 2018	K57 2015 - 2019	Cộng
1	Công nghệ sinh học	02	-	44	**46**
2	Kỹ thuật môi trường	-	01	42	**43**

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K57 2015 - 2018	K58 2016 - 2019	Cộng
1	Công nghệ sinh học	02	-	**02**
2	Công nghệ kỹ thuật môi trường	-	04	**04**

Điều 2. Trưởng phòng liên quan, Viện Công nghệ Sinh học và Môi trường và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTĐH.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Trang Sĩ Trung

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2019

Theo Quyết định số 910 /QĐ-ĐHNT ngày 12 / 8 /2019

Loại hình đào tạo: **Đại học chính quy**

1. Công nghệ sinh học

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55132491	Trần Quang	Đạt	10/01/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNSH-2	2013-2017
2	55131852	Nguyễn Văn	Thuận	29/04/1995	Quảng Trị	Nam	Trung bình	55.CNSH-2	2013-2017
3	57130641	Nguyễn Văn	Cảnh	20/04/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	57.CNSH	2015-2019
4	57131049	Nguyễn Thị	Chi	07/05/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
5	57137123	Trần Thị Trúc	Hà	27/07/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
6	57130847	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	21/09/1997	Đăk Lăk	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
7	57132159	Lê Kiều	Hân	08/08/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
8	57137030	Trần Thị	Hiền	02/02/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
9	57137338	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	20/10/1997	Đăk Lăk	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
10	57131580	Nguyễn Lê Hải	Hoàng	27/01/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CNSH	2015-2019
11	57130442	Cao Bá	Hùng	19/10/1997	Gia Lai	Nam	Khá	57.CNSH	2015-2019
12	57135006	Đỗ Diệu	Hương	29/11/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
13	57137074	Nguyễn Văn	Huy	25/11/1997	Đăk Lăk	Nam	Giỏi	57.CNSH	2015-2019
14	57130275	Nguyễn Thị Minh	Huyền	10/10/1997	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
15	57130542	Phan Thị Kim	Lam	02/04/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
16	57130313	Nguyễn Thị Yến	Lê	18/07/1997	Bình Định	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
17	57131167	Võ Nguyễn Phương	Linh	24/04/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
18	57131647	Lê Thị Hồng	Lộc	06/11/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
19	57132038	Nguyễn Uyển	Ly	15/07/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
20	57131505	Huỳnh Bảo	Ngân	25/09/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
21	57130045	Giản Thị Bích	Ngọc	02/11/1997	Nghệ An	Nữ	Trung bình	57.CNSH	2015-2019
22	57131497	Hoàng Cao	Nhất	12/10/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CNSH	2015-2019
23	57130825	Nguyễn Ngọc Nhạn	Nhi	31/08/1997	Đăk Lăk	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
24	57131217	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	28/02/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
25	57130119	Phan Thị Thảo	Phương	11/08/1997	Quảng Trị	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
26	57131259	Huỳnh Phương	Quang	08/01/1995	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CNSH	2015-2019
27	57132584	Phan Thị Như	Quỳnh	20/09/1997	Đăk lăk	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
28	57132545	Hồ Thị Thủy	Sơn	22/12/1997	Ninh Thuận	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
29	57130897	Trương Thị Minh	Tâm	06/01/1997	Đăk Lăk	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
30	57131116	Ca Thị Kim	Thảo	29/01/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
31	57131691	Đỗ Thị Thanh	Thảo	19/02/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
32	57131303	Trần Thị Trúc	Thư	01/06/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
33	57132313	Hoàng Anh	Thư	09/02/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
34	57130698	Cao Thị	Thưởng	24/11/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
35	57137099	Hoàng Thị	Thủy	13/01/1997	Đăk Lăk	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019

1. Công nghệ sinh học

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
36	57130515	Lê Thị	Tính	06/06/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
37	57130738	Trương Nữ Thục	Trâm	12/12/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
38	57131766	Thái Ngọc Huyền	Trân	02/05/1997	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	57.CNSH	2015-2019
39	57131589	Nguyễn Thị Lệ	Trinh	28/12/1997	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	57.CNSH	2015-2019
40	57132201	Trương Thuỳ Phương	Trinh	25/12/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.CNSH	2015-2019
41	57130402	Trần Tố	Uyên	01/01/1997	Bình Định	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
42	57131380	Nguyễn Đức Thị Thu	Uyên	25/03/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.CNSH	2015-2019
43	57130209	Lê Đình	Vĩ	06/06/1997	Quảng Nam	Nam	Khá	57.CNSH	2015-2019
44	57130369	Lương Thiên	Vũ	10/06/1994	Bình Định	Nam	Trung bình	57.CNSH	2015-2019
45	57130978	Nguyễn Thị Hồng	Vương	10/12/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
46	57131769	Trần Nguyễn Ý	Vy	02/12/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
Danh sách có 46 sinh viên									

2. Kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56131084	Nguyễn Thanh	Nam	14/11/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56.CNMT-1	2014-2018
2	57131542	Trần Nguyễn Ngọc	An	02/08/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CNMT-1	2015-2019
3	57132519	Trần Đình	Chiến	16/02/1997	Ninh Thuận	Nam	Khá	57.CNMT-1	2015-2019
4	57132317	Trần Thị Kim	Duyên	10/04/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNMT-1	2015-2019
5	57130407	Trần Thị Minh	Hải	26/05/1997	Bình Định	Nữ	Khá	57.CNMT-1	2015-2019
6	57130647	Bùi Tấn	Hải	25/12/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	57.CNMT-1	2015-2019
7	57137058	Nguyễn Phạm Phương	Hải	20/09/1997	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	57.CNMT-1	2015-2019
8	57137086	Đào Diệu Thúy	Hằng	16/03/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNMT-1	2015-2019
9	57132484	Trương Thị Mỹ	Hạnh	02/09/1997	Lâm Đồng	Nữ	Khá	57.CNMT-1	2015-2019
10	57132154	Lê Thị Mỹ	Hiền	01/01/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNMT-1	2015-2019
11	57130841	Dương Thu	Hoài	30/10/1997	Đăk Lăk	Nữ	Trung bình	57.CNMT-1	2015-2019
12	57130555	Đỗ Thị Thu	Hồng	19/11/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	57.CNMT-1	2015-2019
13	57131373	Trần Thị Thúy	Huyền	22/05/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.CNMT-1	2015-2019
14	57130100	Hoàng Thị	Lệ	07/05/1997	Quảng Bình	Nữ	Khá	57.CNMT-1	2015-2019
15	57130228	Đào Thị Phi	Loan	15/06/1997	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	57.CNMT-1	2015-2019
16	57130384	Huỳnh Thị Thuý	Loan	22/11/1997	Bình Định	Nữ	Trung bình	57.CNMT-1	2015-2019
17	57131460	Nguyễn Thị Kim	Luôn	02/03/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.CNMT-1	2015-2019
18	57130553	Nguyễn Thị	Mận	28/05/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57.CNMT-1	2015-2019
19	57131920	Nguyễn Võ Triệu	Mẫn	01/09/1996	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNMT-1	2015-2019
20	57131222	Đoàn Văn	Mạnh	11/03/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CNMT-1	2015-2019
21	57131520	Nguyễn Công	Minh	03/12/1996	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNMT-1	2015-2019
22	57130131	Lê Thị Hoài	My	07/10/1997	Quảng Trị	Nữ	Khá	57.CNMT-1	2015-2019
23	57130378	Nguyễn Thị Thúy	Nga	25/03/1997	Bình Định	Nữ	Khá	57.CNMT-1	2015-2019

2. Kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
24	57132151	Trịnh Thị Thanh	Nhàn	16/08/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.CNMT-1	2015-2019
25	57130121	Lê Thị	Chanh	29/10/1997	Quảng Trị	Nữ	Khá	57.CNMT-2	2015-2019
26	57132431	Võ Thị Yến	Nhi	14/07/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNMT-2	2015-2019
27	57130173	Trần Thị Mỹ	Ninh	02/02/1997	Quảng Nam	Nữ	Khá	57.CNMT-2	2015-2019
28	57130036	Lê Thị Kiều	Oanh	15/03/1997	Thanh Hóa	Nữ	Giỏi	57.CNMT-2	2015-2019
29	57132398	Man Hồng	Phấn	28/12/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNMT-2	2015-2019
30	57130296	Trần Thị	Phi	30/07/1997	Bình Định	Nữ	Khá	57.CNMT-2	2015-2019
31	57130728	Trần Kim	Thành	08/08/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	57.CNMT-2	2015-2019
32	57132414	Dương Công	Thành	30/09/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CNMT-2	2015-2019
33	57132415	Phan Thị Thanh	Thảo	06/02/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNMT-2	2015-2019
34	57131287	Hà Phúc	Thiện	25/07/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNMT-2	2015-2019
35	57130873	Nguyễn Thị	Thoa	25/12/1997	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	57.CNMT-2	2015-2019
36	57131846	Hồ Hoàng	Thông	24/03/1996	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNMT-2	2015-2019
37	57130161	Đào Văn	Thuận	20/01/1996	Thừa Thiên Huế	Nam	Khá	57.CNMT-2	2015-2019
38	57130070	Đậu Thị Huyền	Trang	19/08/1997	Nghệ An	Nữ	Khá	57.CNMT-2	2015-2019
39	57132296	Nguyễn Thị Huyền	Trang	11/09/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNMT-2	2015-2019
40	57131851	Lưu Duy	Tùng	30/08/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CNMT-2	2015-2019
41	57131445	Phan Phương	Uyên	18/12/1997	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	57.CNMT-2	2015-2019
42	57135030	Nguyễn Thị	Vân	30/01/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Trung bình	57.CNMT-2	2015-2019
43	57131703	Nguyễn Hoàng Phi	Vũ	02/09/1996	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CNMT-2	2015-2019
Danh sách có 43 sinh viên									

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2019

Theo Quyết định số 910 /QĐ-ĐHNT ngày 12/ 8 /2019

Loại hình đào tạo: **Cao đẳng chính quy**

1. Công nghệ sinh học

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	57160949	Đỗ Khoa	Tiên	20/04/1997	Ninh Thuận	Nam	Khá	57C.CNSH	2015-2018
2	57160076	Huỳnh Tố	Uyên	28/03/1997	Phú Yên	Nữ	Trung bình	57C.CNSH	2015-2018
Danh sách có 02 sinh viên									

2. Công nghệ kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	58160856	Võ Đặng Phi	Hổ	28/04/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58C.CNMT	2016-2019
2	58160879	Lương Gia	Tấn	28/09/1998	Phú Yên	Nam	Trung bình	58C.CNMT	2016-2019
3	58160890	Nguyễn Thị Ngọc	Thoa	06/07/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58C.CNMT	2016-2019
4	58160895	Nguyễn Xuân	Trường	16/01/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58C.CNMT	2016-2019
Danh sách có 04 sinh viên									